ĐẠI TỲ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT KINH SỚ
QUYỂN 3

Phẩm 1: NHẬP MÔN CHÂN NGÔN TRỤ TÂM (Tiếp Theo)

Kinh chép: Bấy giờ, Chấp kim cang Bí Mật Chủ bạch Đức Phật rằng: Cúi xin Đấng cứu thế, giảng nói tướng của tâm, Bồ-tát có được bao nhiêu chỗ Vô úy, cho đến sẽ được tất cả pháp tự tại bình đẳng Vô úy? Vẫn là trả lời câu tướng của tâm ở trước; vì Kim Cang Thủ đã nghe dạy các Bồ-tát này, thẳng nương môn Chân ngôn hướng lên Bồ-tát địa.

Hỏi: Bạch đức Thế-tôn! Khi Bồ-tát này hành đạo có được bao nhiêu chỗ Vô úy?

Đức Phật lại y theo ba kiếp trước, thực hành hàng phục để hiểu. Tiếng Phạm là A-thấp-phạ-sa, dịch đúng phải là sống lại. Giống như người bị kẻ có sức mạnh bắt giữ bóp cổ, tắt thở gần chết, bỗng nhiên thả ra, được sống trở lại, chúng sinh cũng giống như vậy, bị vọng tưởng, nghiệp phiền não trói buộc, gặp duyên đều bị bít lấp, đến sáu xứ này như được sống lại, vì thế nói là chỗ sống lại: Cũng như khi vượt qua đường nguy hiểm, tâm kia bình thản không hề lo sợ, do đó gọi là chỗ không sợ.

Phật dạy: Này Bí Mật Chủ! Phàm phu như đứa trẻ ngu kia, tu các pháp lành tổn hại pháp không lành, nên được thiện vô úy, nghĩa chữ thiện là có cả cạn và sâu. Nay, ý trong đây, nói về mười nghiệp đạo thiện, như người đời do nhân duyên mười nghiệp đạo bất thiện mà chìm nổi trong đường ác, không có cùng tận, sau được tám tâm thuận đời, cũng dần dần thọ Tam quy giới, trong vô lượng đời sinh làm người hoặc chư Thiên, sau đến Niết-bàn, do thoát khỏi khổ lớn trong ba đường, nên gọi là chỗ sống lại đầu tiên.

Như hành giả chân ngôn bắt đầu nhập Tam-muội-da, nương vào giai Tam Mật vị cúng dường tu hành, ngang với ở đây.

Kinh dạy: Nếu biết Ngã đúng như thật thì sẽ được thân vô úy, như

khi tu thuận theo thân quán sát, thấy thân này do ba mươi sáu vật nhóm lại mà thành, năm thứ bất tịnh đường ác đầy đủ, trọn vẹn không vì đây mà sinh tham ái.

Lại nữa, quán Thọ tâm pháp được lìa không thấy bốn thứ điên đảo trong tánh ngã, đối với các sự trói buộc của thân được Chỗ sống lại. Như hành giả Chân ngôn, khi các tướng Tam-muội của bổn tôn hiện ra thì ngang với ở đây.

Kinh dạy: Nếu đối với thủ uẩn gom nhóm thành thân ta, xả bỏ sắc tướng của mình để quán sẽ được vô ngã, vô úy, nghĩa là khi quán chỉ có uẩn không có ngã, ở trong ấm, giới, nhập, trong các thứ ấy chia chẻ tìm cầu ngã không thật có. Xả bỏ sắc tướng của mình, ví như nhờ cây nên có bóng cây hiện ra, nếu không có cây thì bóng từ đâu mà sinh, nay năm uẩn còn từ duyên sinh đều không có tự tánh, huống chi là đây do nhóm họp mà có ngã? Như trên đã nói, cho đến tâm chứng vắng lặng xa lìa tất cả tội lỗi, thế là sự trói buộc ở nơi ngã được Chỗ sống lại.

Như hành giả Chân ngôn, đối với tất cả phân đoạn của cảnh giới Du-già, có thể quán tâm không thật có, không sinh ái, mạn vị, giống với đây.

Kinh chép: Nếu làm tổn hại uẩn trụ pháp phan duyên sẽ được pháp vô úy: Nghĩa là tâm hành giả trụ trong uẩn, muốn khiến phát khởi xa lìa mê đắm.

Bấy giờ, những các dụ như sóng nắng giả huyễn... quán sát các uẩn tức không, được xa lìa tám tâm thuận nghịch, chứng được thế giới vắng lặng, nhưng lìa sự trói buộc của uẩn thì đối với pháp được Chỗ sống lại.

Pháp: nghĩa là mười câu duyên sinh. Như hành giả Chân ngôn, hiện rõ ràng cảnh giới Du-già đều như bóng trong gương, trăng đáy nước, vô tánh vô sinh; là ngang với ở đây.

Kinh chép: Nếu hại pháp trụ vô duyên thì sẽ được pháp vô úy: Tức là Vô duyên thừa tâm, quán sát pháp không có tánh ngã, ngoài tâm không có hình bóng, hình tướng trí tuệ đều không thật có, tâm vương tự tại giác vốn bất sinh, được xa lìa sự trói buộc pháp, đối với pháp vô ngã được Chỗ sống lại. Nếu hành giả Chân ngôn, đối với Du-già trung đạo tâm được lực dụng tự tại thì ngang với đây.

Kinh chép: Nếu lại tất cả uẩn, xứ, giới, năng chấp, sở chấp, ngã, tuổi thọ... và pháp vô duyên, không tự tánh, vô tánh, không trí này sinh, sẽ được tất cả pháp tự tánh bình đẳng vô úy: nghĩa là khi quán tự tâm rốt ráo tánh không thì ngã và pháp uẩn cho đến vô duyên đều đồng một

tánh, cái gọi là tự tánh vô tánh, nghiệp phiền não... đều không thể trói buộc được, cũng không thể nói, vì thế nói đắc tất cả pháp tự tánh bình đẳng, bấy giờ đối với hai thứ hữu vi, vô vi là hai thứ trói buộc giới được Chỗ sống lại, tức là tâm Bồ-đề trong sạch như hư không của hành giả Chân ngôn, nhưng tâm này ở trong sự trói buộc mà ra khỏi sự trói buộc đều rốt ráo vô tướng; dùng năm nhãn của Như lai quán kỹ, còn không thể thấy được tướng mạo của kia, huống là các sự sinh diệt trong loài người. Nay sở dĩ nói rộng ba kiếp, sáu chỗ vô úy rất nhiều tâm tướng, đều là bắt chước dấu vết bên ngoài để nói về tu chướng cạn sâu.

Trên đã nói thấy tướng khói, có thể so sánh để biết tánh lửa, nhưng biết tâm cấu hết chỗ, nói rộng không thực hành, chính là nương Vô úy y thứ sáu, còn muốn biểu thị thế nào?

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Nếu các Bồ-tát tu hạnh Bồ-tát, tu sâu quán sát mười câu duyên sanh, sẽ đối với Chân ngôn hành thông đạt tác chứng, cho đến biết khắp tất cả tâm tướng như thật, là lược đáp tu hành trong câu hỏi trước. Như văn dưới muôn hạnh phương tiện, đều nhờ mười câu duyên sanh này để rửa sạch tâm cấu, vì thế phải biết rất trọng đại, hành giả chân ngôn đặc biệt nên lưu ý suy nghĩ. Nhưng nói chung ở trong phẩm mười câu duyên sanh này lược có ba thứ:

1. Giấu kín tâm trong uẩn, muốn đối trị thật pháp, quán mười câu duyên sanh này, như trước đã nói, ngay nơi không là huyễn.

2. Giấu kín tâm trong pháp, muốn đối trị cảnh giới phan duyên, quán Mười câu duyên sanh này, như trước đã nói, uẩn A-lại-da ngay nơi tâm là huyễn.

3. Giấu kín sự chấp trước sâu sắc trong mé thật của tâm, muốn xa lìa hữu vi vô vi giới, nên quán mười câu duyên sanh này, như trước đã nói, giải thoát tất cả nghiệp phiền não mà nghiệp phiền não nương đầy đủ, tức là huyễn tức không thể suy nghĩ bàn luận.

Mười ví dụ trong Ma-ha Bát-nhã, cũng bao gồm đầy đủ ba ý. Nay trong đây nói tâm tu quán sát, tức là ý nói lớp thứ ba. Lại như hành giả đối với Du-già, tự tâm mình được cảm ứng tâm Phật, nhân duyên cảm ứng, ngay khi đó Tỳ-lô-giá-na hiện thân mà chúng sinh thích nhìn thấy nói thích hợp nghe pháp, nhưng tâm ta cũng rốt ráo thanh tịnh, tâm Phật cũng rốt ráo thanh tịnh. Nếu nghi quấy tâm ta là tự thì tâm Phật là tha, nay cảnh giới này, là từ Tự sinh, hay từ Tha sinh ư? Dùng các pháp môn trong Trung luận để quán thì sinh không thật có nhưng hình tướng âm thanh rõ ràng tức là pháp giới, luận huyễn tức huyễn, nói pháp giới tức là pháp giới, nói khắp tất cả nơi tức là khắp tất cả nơi, nói huyễn cho

nên gọi là huyễn không thể suy nghĩ bàn luận.

Lại nữa, nói tu sâu: Nghĩa là đắc tâm thanh tịnh rồi, từ đại bi sinh căn, cho đến phương tiện rốt ráo, trong khoảng giữa đó mỗi duyên sinh khởi, đều phải dùng mười dụ để quán, do đó chứng chuyển sâu sắc, nên nói là quán sát.

Hơn nữa, như nghĩa Tứ Đế, chỉ bày thẳng thế giới Ta bà đã có vô lượng, vô biên danh từ khác nhau, huống chi trong vô tận thế giới thực hành phương tiện khéo léo, đâu thể cùng tận. Nay hành giả ở trong một niệm tâm tịnh, thông đạt trần sa Tứ Đế như vậy, không thì rốt ráo bất sinh, hữu thì cùng tận tánh tướng kia, trung thì nêu thể đều là thường, do ba pháp vô định tướng (không có tướng chắc chắn) nên gọi là không thể suy nghĩ bàn luận. Như pháp Tứ đế, ngoài ra tất cả pháp môn đều lệ theo đây. Thế nên chỉ có Như lai mới có thể cùng tột mười ví dụ này, thông suốt tận nguồn gốc của nó. Kinh này sở dĩ đặt tâm Bồ-đề vô cấu ở sau, tức là nói mười ví dụ, bao gồm từ đầu đến cuối và tóm thâu các địa, đã chạm duyên thành quán, không thể nói ngang, nay tạm nương vào Thích luận, nói rõ kia là nơi đáng quy về.

Kinh chép: Những gì là mười? Đó là như huyễn, sóng nắng, mộng, bóng, thành Càn-thát-bà, tiếng vang, trăng đáy nước, bọt nổi, hoa đốm trong hư không và vòng lửa xoay tròn.

Cho đến thế nào là huyễn? Nghĩa là như chú thuật năng lực của thuốc, năng tạo sở tạo các thứ sắc tượng, hoặc tự mắt thấy việc ít có, xoay vần sinh nhau, qua lại mười phương, nhưng kia chẳng đi, chẳng phải không đi. Vì sao? Vì bản tánh thanh tịnh, như thế thật nói huyễn, trì tụng thành tựu sẽ sinh ra tất cả, Phật nói năng lực thuốc không thể suy nghĩ bàn luận, như người dùng năng lực thuốc nên bay lên hư không ẩn hình, đẫm nước, đạp lửa, đây không phải là việc của các Luận sư, có thể kiến lập nhân lượng sinh ra lý do, cũng không thể sinh nghi, nghĩa là quyết định nên hoặc không nên, vượt qua cảnh giới so lường như thế, chỉ có người đích thân làm thuốc này, giữ gìn thứ tự mà dùng mới chứng biết mà thôi.

Lại như nhân duyên của thuốc, hiện bày các thứ sắc tượng năng tạo sở tạo, tuy ở trong các duyên, mỗi mỗi tìm kỹ đều không có chỗ sinh, nhưng cùng năm căn đối đãi hiện ra rõ ràng, tuy xoay vần cùng sinh qua lại mười phương, nhưng cũng chẳng phải đi, chẳng phải không đi, đó là việc không phải cảnh suy nghĩ tính lường. Thích luận rằng: Phật hỏi đức nữ, ví như nhà ảo thuật làm các việc huyễn, ý ông thế nào? Trong Huyễn đã làm ra là có hay không?

Đáp rằng không. Lại hỏi ngoài có hay không? Trong ngoài có hay không? Từ đời trước đến đời này, đời này đến đời sau là có hay không? Vật huyễn làm ra có sinh, có diệt không? Thật có một pháp là huyễn làm ra hay không? Đều đáp rằng không.

Đức Phật dạy: Ông có nghe thấy kỹ nhạc do huyễn làm ra không?

Đáp rằng, con vừa thấy vừa nghe.

Phật dạy nếu huyễn luống dối không thật thì vì sao từ huyễn có thể làm kỹ nhạc.

Đức nữ thưa: Bạch Đại Đức! Tướng huyễn này pháp vốn như thế, tuy không cội gốc nhưng có thể thấy nghe.

Phật dạy: Vô minh cũng giống như vậy, tuy chẳng phải ở bên trong có, cho đến không sinh diệt, nhưng do nhân duyên vô minh, nên sinh ra các hành, vô minh hết thì hành hết, cho đến nói rộng. Nay môn Chân ngôn này, dụ cho người trì tụng cũng giống như vậy. Văn dưới nói rộng, y tam mật tu hành được thành tựu tất cả việc kỳ lạ đặc biệt không thể suy nghĩ bàn luận. Tuy trong mỗi duyên tìm kỹ rốt ráo lìa Tứ cú, pháp vốn như thế, không khác tâm thanh tịnh, nhưng thần biến tự tại, rõ ràng không sai lầm, việc này cũng không phải việc của các bậc Đại luận Sư... người không biện lợi căn đâu thể suy lường, chỉ có đầy đủ phương tiện được thành tựu Tất-địa mới tự chứng biết mà thôi.

Kinh dạy: Lại nữa, này Bí Mật Chủ! Sóng nắng tánh không, người kia nương vọng tưởng của người đời mà thành lập, có chỗ luận rằng: Tướng Chân ngôn như vậy, chỉ là giả danh. Thích luận chép: Do ánh sáng mặt trời, gió thổi tung bụi, nên giữa đồng trống động như sóng nắng, người không có trí tuệ khi mới thấy cho là nước, chúng sinh cũng vậy, ánh sáng mặt trời kiết sử, phiền não, làm lay động các hành trần? Ở trong đồng trống sinh tử mà xoay chuyển, người không có trí tuệ, cho một tướng là nam, một tướng là nữ.

Lại nữa, nếu thấy xa cho là nước, thấy gần thì không phải tướng nước, như thế là xa chánh pháp, không biết vô ngã và các pháp không, đối với các pháp ấm, giới, nhập tánh không, con người sinh các tưởng, Nếu gần Thánh pháp thì biết tướng thật các pháp, lúc ấy, các thứ vọng tưởng giả dối đều dứt sạch. Ý kinh này nói: Như người đời xa nhìn đồng trống, từ xa nhìn thì trẻ nhỏ thấy đó là hơi nước, tướng hơi nước gượng lập ra chỉ là giả danh, tìm cầu việc ấy đều không thật có, do đó vọng tưởng thành lập, có chỗ luận bàn.

Như hành giả Chân ngôn đối với Du-già, thấy các cảnh giới rất

đặc biệt, cho đến hải hội các Đức Phật trang nghiêm vô tận. Bấy giờ nên thực hành quán dương diệm này, biết rõ chỉ là giả danh, xa lìa kiêu mạn, mê đắm, chuyển gần đến đất tâm, thì ngộ các thứ nhân duyên gia trì, thần biến chỉ là pháp giới viêm mà thôi, cho nên nói, tướng Chân ngôn như vậy chỉ là giả danh.

Kinh chép: Lại nữa, này Bí Mật Chủ! Như điều thấy trong mộng, ban ngày trâu kêu thời gian rất dài, cùng các loài khác chịu những thứ khổ vui, biết rồi đều không còn thấy, mộng như thế. Chân ngôn hạnh nên biết cũng.

Thích Luận chép: Như trong mộng đều là việc không thật mà cho là có thật, giác rồi, biết là không mà trở lại tự cười, người ta cũng giống như vậy, các kiết sử trong khi ngủ thật không mà chấp trước, khi đắc đạo giác ngộ mới biết là không, biết rồi cũng lại tự cười.

Lại như do sức ngủ, nên chẳng phải pháp mà thấy là pháp, không phải việc vui mà vui, không phải việc sân mà sân, không phải việc sợ mà sợ, chúng sinh cũng như vậy, do năng lực của giấc ngủ vô minh, không nên sân, giận, lo, sợ mà sinh sân, giận, lo, sợ... Nay biết được việc trong mộng này không thể suy nghĩ bàn luận, như trong mộng, tự thấy tuổi thọ một ngày, hai ngày cho đến vô lượng tuổi, có các cõi nước và các loài chúng sinh, hoặc lên cõi trời hoặc ở địa ngục chịu các sự khổ vui, khi tỉnh dậy chỉ trong thời gian một niệm, ở trong tâm giác pháp năm nhân duyên, tứ cú tìm cầu rõ ràng không thật có, nhưng việc mộng chiếu rõ ghi nhớ không quên, do một niệm trở thành ngàn, muôn năm, do một niệm thành vô lượng cảnh, việc này người trí ở thế gian, không thể suy lường tính toán tận nguồn gốc của nó được, cũng không phải điều để nghi ngờ, chỉ có người nằm mộng tự thân chứng biết mà thôi, nay mộng của hành giả Chân ngôn Du-già này, cũng giống như vậy, hoặc chỉ trong khoảnh khắc thấy đủ Vô Lượng cảnh giới gia trì, hoặc không rời khỏi chỗ ngồi mà trải qua nhiều kiếp, hoặc dạo khắp các cõi nước của các Đức Phật, gần gũi cúng dường lợi ích chúng sinh, việc này đối với các nhân duyên, quán sát đều không có chỗ khởi, không vượt ngoài một niệm tâm thanh tịnh, nhưng cũng phân biệt không lầm, việc này ai có thể suy nghĩ bàn luận để nêu ra hết ngọn nguồn, nhưng thật ra chỉ có người chứng tự biết mà thôi. Hành giả đắc cảnh giới này, phải dùng dụ mộng quán sát, tâm không nghi sợ, cũng không sinh mê đắm, liền dùng mộng khắp hiện sắc thân, tạo nên sự trang nghiêm vô tận. Vì thế nói tu sâu mười câu.

Kinh chép: Lại nữa, này Bí Mật Chủ! Đem dụ hình bóng để hiểu

rõ chân ngôn có thể phát sinh Tất-địa, như mặt duyên vào gương mà hiện ra hình của mặt, Chân ngôn Tất-địa kia, phải biết cũng giống như vậy. Trong đây nói hình bóng chính là Thích luận dụ hình ở trong gương. Luận kia nói như bóng trong gương, không phải gương tạo ra, không phải mặt tạo ra, cũng không chấp gương tạo ra, không phải tự nhiên tạo ra, cũng chẳng phải không có nhân duyên mà làm ra.

Vì sao không phải gương làm ra? Vì nếu mặt chưa đến gương thì không có hình.

Vì sao nói không phải mặt làm ra? Vì không có gương thì không có hình.

Vì sao không phải tự nhiên làm ra? Vì nếu chưa có gương chưa có mặt thì không có hình, hình đợi gương đợi mặt, sau đó mới có.

Cũng chẳng phải không nhân mà có, vì nếu không nhân duyên, phải thường có, phải thường không, nếu bỏ gương bỏ mặt lẽ ra tự hiện ra, vì thế nên chẳng phải không có nhân duyên, phải biết các pháp cũng giống như vậy, do ngã không thật có, nên tất cả nhân duyên sinh pháp không tự tại, các pháp thuộc nhân duyên, nên không tự làm ra, nếu tự không thì tha cũng không; không phải tha làm ra, nếu tha làm ra thì mất năng lực tội phước, cũng không phải cùng làm ra, vì có hai lỗi, cũng chẳng phải không nhân, như nghiệp nhân đời trước, duyên làm thiện ác đời nay, theo đó chịu khổ, vui, tất cả các pháp chắc chắn có nhân duyên, vì ngu si nên không biết mà thôi.

Như trẻ nhỏ, thấy bóng trong gương, tâm mê đắm ưa thích, khi mất rồi đập vỡ gương tìm kiếm, người trí lại chê cười; mất vui tìm kiếm cũng giống như vậy, cũng bị bậc Thánh đắc đạo chê cười. Nay trong môn Chân ngôn này, dùng Tam Mật Tịnh thân Như lai làm gương, tự thân hành tam mật làm nhân duyên hình bóng trong gương, có Tất-địa sinh giống như hình bóng của mặt, nếu khi hành giả thành tựu Tất-địa cho đến khởi năm thần thông, tuổi thọ lâu dài, tạn mặt thấy các cõi nước mười phương, dạo chơi các cõi Phật, đều dùng dụ này để quán sát việc ấy.

Từ tự sinh, hay tha sinh ư? Nếu là tha tam mật gia trì có thể trao quả ấy thì chúng sinh khi chưa tu hành, Đức Phật đại bi bình đẳng, vì sao không giúp thành tựu? Nếu nói tự họ đúng như lời dạy tu hành có thể đắc quả ấy, vì sao phải quán sát thân gương sáng ba mật, cầu được che chở ư?

Nếu cùng nhau làm chủ thì có hai lỗi. Vì sao? Vì nếu nói tâm ta là nhân, đợi các duyên kia mới được thành tựu thì trong nhân này trước

có quả Tất-địa ư? Hay là trước không có ư? Nếu trước có thì các duyên không chỗ dùng, nếu trước không có thì các duyên dùng vào chỗ nào? Nhưng Tất-địa này thành tựu, cũng chẳng phải không có nhân duyên, vì thế bài kệ Cảnh tượng trong luận Đại Trí Độ chép: Chẳng có cũng chẳng không, cũng lại chẳng có không, lời này cũng không thọ, như vậy gọi Trung đạo, không nên như trẻ con kia vọng sinh mê chấp. Nếu thực hành quán như thế thì hành giả tâm vô sở đắc không sinh nói rộng, cho nên: Biết như thế.

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! dùng thí dụ thành Càn-thát-bà, để hiểu rõ thành tựu cung Tất-địa!

Luận chép: Khi mặt trời vừa ló dạng, thấy cửa thành, lầu gác cung điện, người đi ra, vào, mặt trời lên cao, lặn xuống, thành này chỉ có mắt thấy, mà không thật có, có người trước chưa từng thấy, ý cho là thật vui, đi nhanh đến đó, đến gần liền biến mất, mặt trời lên cao thì mất, đói khát rất buồn, thấy hơi nóng (bốc lên) như ngựa đồng, nói đó là nước, lại chạy đến đó, cho đến tìm cầu, rất mệt nhọc mà không thấy được, suy nghĩ tự hiểu, tâm khát nước liền dứt. Hành giả cũng như vậy, nếu dùng trí tuệ vô ngã, vô thật pháp thì ngay lúc ấy điều mong muốn điên đảo liền dứt. Trong kinh Thanh văn, không dụ thành Càn-thát-bà này, lại dùng thành dụ cho thân này, nói các duyên này thật có, chỉ thành là giả danh, để phá cái tôi ta, Bồ-tát lợi căn, vào sâu pháp không, vì thế lấy thành Càn-thát-bà làm ví dụ.

Trong đây nói cung Tất-địa, có thượng, trung, hạ. Thượng nghĩa là bí mật trang nghiêm cõi nước Phật, vượt ngoài ba cõi hàng Nhị thừa không thấy được. Trung nghĩa là mười phương trang nghiêm thanh tịnh. Hạ nghĩa là cung điện chư Thiên, Tu-la... nếu khi hành giả thành tựu ba phẩm Trì, Minh, Tiên, an trú trong cung Tất-địa như thế, phải dùng dụ này quán sát, như nhân duyên ánh sáng mặt trời, không khí biển, chỗ ở trang nghiêm rực rỡ, lầu gác người vật tốt đẹp đáng chiêm ngưỡng, không nên cùng với kẻ ngu phu kia, vọng sinh tham đắm, tìm kiếm sự thật của kia, do nhân duyên này, đối với các thứ thù thắng mầu nhiệm trong năm trần, tâm thanh tịnh không có quái ngại.

Kinh chép: Lại nữa, này Bí Mật Chủ! Dùng tiếng vang để dụ cho hiểu rõ lời Chân ngôn. Như duyên âm thanh có tiếng vang Chân ngôn kia, phải như thế mà hiểu. Thích Luận chép: hoặc trong núi sâu, hang thẳm, khe sâu, hoặc giữa hư không, trong nhà lớn, do lời nói, âm thanh chạm vào nhau, từ âm thanh có âm thanh gọi là tiếng vang, người không có trí cho là có thật, người trí tâm nghĩ là âm thanh không có người làm,

chỉ do âm thanh xoay chuyển, nên lần lượt có tiếng vang lừa dối lỗ tai người.

Khi người muốn nói, trong cổ họng cũng có gió, gọi là Ưu-đà-na, trở vào đến rốn. Khi âm thanh phát ra, lại tiếp xúc bảy chỗ là đảnh, đoạn, răng, môi, lưỡi, cổ họng, ngực, rồi lại rút đi, ấy gọi là lời nói, người ngu không hiểu mà sinh ra ba độc. Người trí hiểu rõ tâm không mê đắm, chỉ thuận theo luật tướng các pháp. Hành giả Chân ngôn hoặc đối với Du-già, nghe các âm bát phong trái thuận, hoặc các bậc Thánh dùng vô lượng pháp âm hiện ra dạy bảo, hoặc do lưỡi thanh tịnh có thể dùng một âm thanh đầy khắp thế giới, khi gặp các cảnh giới này cũng nên dùng ví dụ tiếng vang này để quán sát, chỉ từ ba mật mà có các duyên, việc ấy không sinh, không diệt, không hữu, không vô, thế nên trong đó không nên vọng sinh nói rộng, bấy giờ tự nhập pháp môn âm thanh tuệ.

Kinh dạy: Lại nữa, này Bí Mật Chủ! Như do trăng lên soi bóng dưới nước trong, mà hiện ra hình bóng trăng, Chân ngôn này dụ cho nước và trăng, người trì, minh kia, phải nói như vầy. Thích Luận chép: Trăng đi giữa hư không, mà bóng hiện ra trong nước, thật pháp tánh của vầng trăng, ở giữa hư không như như pháp tánh thật tế, nhưng nước tâm của phàm phu có hiện tướng ngã, ngã sở.

Lại như trẻ em thấy trăng trong nước vui mừng muốn vớt lấy, người lớn thấy thì cười, người không có trí cũng giống như vậy, vì đích thân thấy cho nên thấy có tôi, ta, không có thật trí cho nên thấy có các pháp, thấy rồi vui mừng muốn chấp các tưởng bị bậc Thánh đắc đạo chê cười.

Lại nữa, ví như trong nước đứng lặng thấy bóng trăng, quậy nước thì không thấy, vô minh ở trong nước đứng lặng của tâm thì thấy tôi ta, kiêu mạn, các kiết sử, gậy trí tuệ chân thật làm khuấy động nước tâm thì không thấy, vì thế nên nói các Bồ-tát biết pháp như trăng trong nước, hành giả trì minh cũng giống như vậy, nhờ phương tiện Tam mật, tâm tự lắng trong, hải hội bí mật trang nghiêm của các Đức Phật đều từ trong đó hiện ra.

Bấy giờ, phải tưởng quán kỹ, nay tướng nghiêm mật này, từ tâm thanh tịnh của ta mà sinh ra ư? Hay do thân Phật thanh tịnh mà sinh ra? Tướng thật tự, tha còn tự rốt ráo không sinh, huống chi nhân duyên trái nhau mà có chỗ sinh; lại như tất cả sông lớn, sông nhỏ, giếng, ao, các vật dùng lớn, nhỏ, trăng cũng không đến, nước cũng không đi, mà trăng sáng được có một vầng, mà vào khắp trong các mặt nước. Nay ta

cũng giống như vậy, tâm chúng sinh cũng không đến, tâm mình cũng lại không đi, mà thấy nghe trông mong lợi ích đều thật không giả, do đó phải dùng gậy tuệ quậy lên, khiến biết như thật, không được như trẻ con kia, muốn tìm mọi cách để lấy, cho là đồ chơi tốt đẹp; đã có thể tự tịnh ý kia, lại phải như như bất động giảng nói cho người nghe, cho nên nói người trì minh phải nói như thế.

Kinh chép: Lại nữa, này Bí Mật Chủ! Như trời mưa sinh bọt nước, Chân ngôn Tất-địa kia biến hóa các thứ phải biết cũng như vậy, kinh Thanh văn đã chấp nhận ví dụ bọt nước, trong Bát-nhã lấy bọt nước làm dụ, tuy thật ra không có tự tánh, nhưng nhân duyên dường như là pháp thật, muốn trong Thập Cú có như biến hóa nên không nói thí dụ bọt nước, ở đây thí dụ của kinh này, ý lại riêng. Như mùa hạ, nước mưa từ trong hai thứ nước, tùy theo giọt lớn nhỏ sinh ra các thứ bọt nước hình loại đều khác, nhưng tánh nước một vị, tự làm nhân duyên trong Tứ Cú tìm kiếm không có một pháp nào sinh riêng, vì thế nên bọt nước này nêu thể từ duyên, bọt sinh tức là nước sinh, bọt diệt tức là nước diệt, do đó dụ này chính là tâm biến hóa. Như hành giả tức cho tự tâm làm Phật, lại được tâm Phật chỉ bày tỏ ngộ phương tiện, chuyển nhập vô lượng pháp môn, lại đem tâm làm Mạn-trà-la, cảnh này cùng tâm làm duyên có thể tạo ra các thứ biến hóa không thể suy nghĩ bàn luận, thế nên hành giả dùng bọt nước để quán sát, biết rõ không lìa tự tâm, do đó không sinh mê đắm.

Thích Luận lại chép: Người tu định có mười bốn thứ biến hóa: Trời, rồng, quỷ thần cũng có thể tạo ra sự biến hóa. Như hóa sinh ra ánh sáng, không có vật chắc chắn, nhưng do tâm sinh liền có tâm diệt sẽ diệt, đó là pháp không có đầu, giữa và sau (sơ, trung, hậu). Sinh thì không từ chỗ nào đến, diệt cũng không có nơi nào đi, phải biết các pháp cũng giống như vậy.

Lại nữa, như tướng biến hóa, thanh tịnh như hư không, không gì đắm nhiễm, không bị tội phước vấy dơ, các pháp cũng như vậy, pháp tánh như như thật tế, tự nhiên thường tịnh, ví như bốn sông lớn ở cõi Diêm-phù-đề mỗi một sông có năm trăm sông nhỏ làm quyến thuộc (sông phụ) các thứ bất tịnh trong nước này chảy vào biển lớn thảy đều thanh tịnh, ý đồng với ví dụ bọt nước.

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Như trong hư không chẳng có chúng sinh, không tuổi thọ, người làm kia không thật có, vì tâm mê loạn mà sinh các thứ vọng kiến như thế. Thích Luận chép: Như hư không: nghĩa là chỉ có danh mà không có pháp thật; trong hư không không thể thấy

pháp, nhìn xa nên nhãn quang chuyển thấy như một tấm lựa pha màu trắng xanh. Các pháp cũng giống như vậy không, chẳng thật có, người xa lìa trí tuệ vô lậu chân thật, bỏ mất tướng thật, thấy các tạp vật như kia đây, nam, nữ, phòng nhà, thành quách... Tâm mê đắm như trẻ con ngửa nhìn trời xanh, nói có màu sắc thật, có người bay lên rất xa mà không thấy gì, lại như tánh hư không thường thanh tịnh, người cho rằng âm u bất tịnh, các pháp cũng giống như vậy, tánh ấy thường thanh tịnh, do dâm dục, sân nhuế... che mờ nên người nói không thanh tịnh. Kinh này nói tâm người mê loạn: như người đem các thứ nhân duyên bệnh tật, không phải loài người... làm mê loạn tâm kia, vọng thấy giữa hư không thanh tịnh có các thứ hình tướng người, vật, hoặc đáng sợ hãi, hoặc đáng mê đắm, nếu khi đắc bản tâm thì biết việc này khi sinh không nhiễm hư không, khi diệt cũng không trở lại trong sạch, xưa nay không ngại hư không, cũng không khác hư không. Khi người tu hành tu quán hạnh, nếu có các thứ việc ma và các cảnh nghiệp phiền não, đều phải an tâm, đây ví dụ hư không trong sáng này, tuy trong vô lượng kiếp ở trong địa ngục, nhưng bấy giờ ý không quái ngại, như người đắc thần thông, ở giữa hư không hiện bày tất cả các sắc tự tại bay đi, không bị nhân, pháp vọng tưởng ở đời làm dơ bẩn.

Kinh chép: Lại nữa, này Bí Mật Chủ! Ví như cây nhang cháy, nếu người cầm giữ trong tay để quay vòng trong hư không thì có một vòng tròn: Như người cầm cây nhang cháy, giữa hư không xoay tròn tạo ra các tướng, hoặc vuông, hoặc tròn, hoặc tam giác, hoặc bán nguyệt, lớn nhỏ, dài ngắn, tùy theo ý mà làm; người nhỏ tuổi khờ dại nhìn thấy cho là việc có thật mà sinh ý nghĩ mê đắm, nhưng thật sự đều không sinh pháp, chỉ do năng lực trong tay nhanh chóng, có thể xoay một cây nhang đang cháy thành vô lượng tướng mà thôi. Hành giả Chân ngôn nếu ở trong Du-già, tùy tâm vận chuyển đều được thành tựu, cho đến trong một tự môn A, xoay chuyển Vô ngại thành vô lượng pháp môn.

Bấy giờ, phải thực hành quán này, chỉ cần nương vào năng lực nhanh chóng của tâm Bồ-đề thanh tịnh nhất thể khéo dùng khiến được như vậy, không nên ở trong đó sinh ra các thứ kiến chấp, cho là thù thắng vi diệu mà sinh nói rộng. Thích luận không có ví dụ vòng lửa, nhưng có ví dụ hình bóng, rằng:

Như cái bóng có thể thấy mà không thể nắm bắt, các pháp cũng giống như vậy... sự thấy, nghe, hiểu biết như nhãn căn... thật không thể đắc, lại như cái bóng chiếu sáng thì hiện ra, không chiếu thì không có, các kiết sử phiền não ngăn ánh sáng chánh kiến thì có ngã tướng pháp

tướng. Lại như cái bóng, người đi thì đi, người lay động thì lay động, người đứng thì đứng, bóng nghiệp thiện ác cũng giống như vậy, lại ở đời sau khi đi cũng đi, ở đời này khi dừng thì cũng dừng, quả báo không dứt, khi tội phước chín muồi thì phát ra, nhưng hình bóng này chẳng có vật thể, chỉ là nhãn pháp của người nào đó, như xoay tàn lửa thật nhanh thì thành vòng lửa, cũng chẳng thật có, dụ và ý, đại khái giống nhau.

Này Bí Mật Chủ! Phải hiểu rõ Đại thừa cú, Tâm Cú, Vô Đẳng đẳng cú, Tất định câu, chánh đẳng giác cú như thế, dần dần đến Đại thừa sinh cú. Tiếng Phạm nói Cú là Bát-đàm, nghĩa như trước đã giải thích. Mười ví dụ này đều là duyên khởi sâu xa của người Đại thừa, hàng Thanh văn, Duyên giác không đặt chân đến được, vì thế nói là Đại thừa Cú. Thật tánh của tâm còn không có một pháp để chỉ bày, cũng không thể trao cho người, chỉ có khi quán sát sâu sắc như vậy, mây cái ấm bay đi, tự sẽ chứng tri mà thôi, do đó gọi là tâm cú. Trí tuệ của Như lai đối với tất cả pháp không thể ví dụ so sánh, cũng không có loài nào vượt hơn, cho nên gọi là vô đẳng.

Lại tướng thật của tâm, cùng tương xứng như nắp và hộp, ở giữa không khác hai bên, cho nên gọi là Vô đẳng đẳng. Nếu đem mười duyên sinh để hiểu rõ tâm xứ thì ăn trụ trong đó, vì thế gọi là câu Vô đẳng đẳng, các Đức Phật dùng nghĩa mười duyên sinh, chắc chắn Như lai giảng nói ấn tướng thật trong tánh tâm Như lai. Nếu có người tin hiểu được thì giả sử tất cả các ma trong các thế giới ở mười phương, đều hóa thân thành Phật nói Bát-nhã giống nhau cũng không thể thay đổi tâm kia, khiến pháp tướng không như vậy, vì thế nói là Tất định câu. Do trung đạo chánh quán này, xa lìa hữu vi vô vi giới, Cực Vô Tự Tánh Tâm sinh, tức là tâm Phật hiện ra rõ ràng, do đó gọi là câu Chánh Đẳng Giác, do tu quán sát sâu sắc, như vào biển lớn dần dần chuyển sâu, cho đến Tỳ-lô-giá-na, dùng trí tối cao quán sát mới có thể cùng tận nguồn gốc của kia, cho nên nói dần dần đến câu Đại thừa sinh phải biết các "Cú" như vậy lần lượt bỏ nhau, lần lượt sinh nhau.

Tỳ-lô-giá-na liền dùng pháp giới mười câu duyên sanh bất khả tư nghì này, làm cho trang nghiêm vô tận, từ pháp giới môn nhiều như số cát bụi trong mười thế giới, thường sinh ra các báu như căn, lực, giác, đạo, thiền định, giải thoát, thí khắp cho chúng sinh lâu xa còn không biết, cho nên nói đầy đủ pháp tài, tất cả trí nghiệp của Như lai nhờ đây mà đầy đủ, do đó nói sinh ra các thứ Đại trí tuệ khéo léo. Nếu ở trong một niệm tâm, hiểu rõ nghĩa mười Duyên sinh thì trên cùng tột vô tận pháp giới, dưới đến vô tận cõi chúng sinh, tất cả tâm tướng trong đó,

đều có thể hiểu biết rõ ràng, vì đều từ duyên khởi, tức không, tức giả, tức trung, vì thế nói biết khắp tất cả tâm tướng như thật. A-xà-lê nói: Khi hành giả bắt đầu tu quán hạnh thì cảnh giới hiện ra, do năng lực nhân trong duyên ngoài, tự nhiên có Duyên khởi trí sinh, không giống như bình thường tu tập thiền định công lực rất khổ mà sau mới thông suốt.

Trong bản Phạm nói: Từ đây về sau, kế là nói Chân ngôn, trì tụng thứ lớp, như pháp Tất-địa, như pháp quả sinh, đây là do người truyền pháp ghi chép, cho nên không nêu ra đầy đủ đại ý ấy ở trong kinh. Đã nói tâm Bồ-đề thanh tịnh và các tướng của tâm đã xong, từ đây về sau, nói phương tiện tâm tu và Tất-địa quả sinh.